TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ QUAO
TỈNH KIÊN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 17/01/2023
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ QUAO, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Danh Thị Kiều Oanh
Các Hội thẩm nhân dân: Bà Lương Thị Hồng Hạnh
Bà Trương Kim Ánh
- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Linh – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Quao tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Cúc – Kiểm sát viên.

Trong ngày 16 tháng 01 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 404/2022/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2022 về "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 124/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2022 giữa:

* Nguyên đơn: Ông Lê Hoàng H1, sinh năm 1970
Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện G, Kiên Giang.
* Bị đơn: bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1973
Địa chỉ: ấp B, xã V, huyện G, Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện ngày 23/8/2022, bản tự khai và lời trình bày của nguyên đơn ông Lê Hoàng H1 như sau:

Ông và bà H2 có quen biết, tìm hiểu nhau được thời gian thì quyết định sống chung với nhau vào năm 1992, có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định. Vợ chồng ông sống hạnh phúc được khoảng 25 năm thì phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do bà H2 tự ý bỏ nhà đi không chịu về nên ông bà đã ly thân từ năm 2019 đến nay, hai người con chung có khuyên và kêu bà H2 về nhiều lần nhưng bà H2 không đồng ý. Ông xét thấy không thể tiếp tục sống chung với bà H2 được nữa nên ông quyết định ly hôn với bà H2. Ông và bà H2 có 02 người con chung tên Lê Thị Mộng Kh, sinh năm 1993 và Lê Hoàng K, sinh năm 1995. Về tài sản chung và nợ chung không có.

Tại phiên tòa ông H1 yêu cầu Tòa án giải quyết: Về hôn nhân ông H1 yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị H2. Về con chung tên Lê Thị Mộng Kh và Lê Hoàng K đã trưởng thành trên 18 tuổi nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung không có và nợ chung không có nên ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Đối với bị đơn bà Nguyễn Thị H2 không có mặt tại phiên tòa: Quá trình giải

quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt đầy đủ các văn bản tố tụng theo đúng quy định pháp luật nhưng bà H2 không có mặt cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án nên Tòa án không thể ghi nhận ý kiến hay bất cứ yêu cầu nào của anh.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, người tham gia tố tụng; việc thu thập tài liệu, chứng cứ, cấp tống đạt văn bản tố tụng cho người tham gia tố tụng và Viện kiểm sát đúng quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử, Thư ký và nguyên đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Đối với bị đơn đã được thông báo, tống đạt các văn bản tố tụng đúng quy định nhưng đều vắng mặt là không tuân thủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tuy nhiên, về thời hạn chuẩn bị xét xử đã vi phạm cần khắc phục.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 và 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014: Tuyên xử không công nhận ông H1 và bà H2 là vợ chồng. Về con chung: Các con của ông H1, bà H2 đều đã trưởng thành trên 18 tuổi và tài sản chung, nợ chung ông H1 không yêu cầu tòa án giải quyết, do đó không đề nghị xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ và toàn diện các chứng cứ, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp của Ông Lê Hoàng H1 và bà Nguyễn Thị H2 là tranh chấp về "Hôn nhân và gia đình" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang theo quy định tại Điều 28, Điều 35 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị H2 với tư cách là bị đơn trong vụ án đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án vẫn được xét xử theo quy định.

[2] Về hôn nhân: Ông Lê Hoàng H1 và bà Nguyễn Thị H2 tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng vào năm 1992, ông bà có tổ chức đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Thời gian chung sống với nhau từ năm 1989 đến nay ông bà vẫn không thực hiện việc đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986. Tại phiên tòa, Ông H1 cho rằng do hai người không hợp, bà H2 tự ý bỏ nhà đi và đã không còn sống chung với nhau từ năm 2019 đến nay. Ông H1 xét thấy không thể tiếp tục sống chung với bà H2 nữa nên ông H1 khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà H2. Do hôn nhân của ông bà không có đăng ký kết hôn nên Hội đồng xét xử không xem xét yêu cầu ly hôn của bà; mà cần áp dụng Điều 53 luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên không công nhận quan hệ giữa ông Lê Hoàng H1 và bà Nguyễn Thị H2 là quan hệ vợ chồng.

[3] Về con chung: Ông H1, bà H2 đều xác nhận có hai người con chung tên Lê Thị Mộng Kh, sinh năm 1993 và Lê Hoàng K, sinh năm 1995 đã trưởng thành trên 18 tuổi ông không yêu cầu Tòa án giải quyết nên HĐXX miễn xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Ông H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Đối với bị đơn bà H2 qua thẩm tra xác minh trong quá trình giải quyết vụ án cho thấy, bà H2 vẫn còn đăng ký thường trú tại địa phương nhưng bà H2 đi làm ít ở nhà nên Tòa án không thể trực tiếp thực hiện việc cấp, tống đạt văn bản tố tụng cho bà H2. Do đó, Tòa án đã tiến hành niêm yết công khai các văn bản tố tụng đầy đủ và đúng theo quy định tại Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bà H2 vẫn vắng mặt không có lý do và cũng không cung cấp bản tự khai cho Tòa án thể hiện ý kiến của mình liên quan đến nội dung vụ án nên Hội đồng xét xử không thể xem xét nguyện vọng của bà H2.

[6] Xét ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ phù hợp với quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận.

[7] Án phí hôn nhân bằng 300.000đồng ông H1 phải nộp do ông có yêu cầu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, khoản 4 Điều 147, 179 và khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 8 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986; Điều 53 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Về hôn nhân không công nhận quan hệ giữa ông Lê Hoàng H1 và bà Nguyễn Thị H2 là quan hệ vợ chồng.

2. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Miễn xét.

3. Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Ông Lê Hoàng H1 phải nộp án phí là 300.000đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0001736 ngày 12/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Quao, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, Ông H1 đã nộp xong án phí HNST.

4. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án ngày 17/01/2023. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

TM/. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
-TAND tỉnh;
-VKS Gò Quao;
-Chi cục THA Gò Quao;
-Các đương sự;
-Lưu hồ sơ.

(Đã ký)

Danh Thị Kiều Oanh